

Số: 36/2025/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 28 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trương Chính K, sinh năm 1988. Địa chỉ: C N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Phan Thị H, sinh năm 1993. Địa chỉ: C N, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Chính K và bà Phan Thị H kết hôn năm vào năm 2019, tại UBND phường K, quận C, Tp Đà Nẵng. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, bất đồng trong cách sống, thường xuyên cãi vã nhau, không hòa hợp trong cách sống, không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc, không thể kéo dài được cuộc sống chung. Nay bà Phan Thị H và ông Trương Chính K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Phan Thị H và ông Trương Chính K đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị H và ông Trương Chính K là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị H và ông Trương Chính K có 01 con chung tên Trương Phan Linh K1, sinh ngày 04/12/2020. Ly hôn, ông K và bà H thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Phan Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương Chính K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 03/2025.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà H và ông K là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị H và ông Trương Chính K xác nhận không có tài sản chung.

[4] Lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị H và ông Trương Chính K mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông K và bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên lai thu số 0009470 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Trương Chính K thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2019, đăng ký ngày 10/05/2019 của UBND phường K, quận C, Tp Đà Nẵng)

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Phan Linh K1, sinh ngày 04/12/2020 cho bà Phan Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương Chính K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hằng tháng, bắt đầu từ tháng 03/2025.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

**2.** Về lệ phí Tòa án: bà Phan Thị H và ông Trương Chính K mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Ông K và bà H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự theo biên lai thu số 0009470 ngày 14/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *UBND phường Khuê Trung;*
- *Lưu hồ sơ.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Bàng**